

# PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN TIẾNG ANH TRUNG HỌC CƠ SỞ HƯỚNG TỚI GIẢNG DẠY TIẾNG ANH NHƯ NGÔN NGỮ THỨ 2 (ESL) TRONG TRƯỜNG HỌC TẠI QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Vũ Mai Hương  
Trường THCS Lý Tự Trọng – quận Gò Vấp – TPHCM  
Email: vumaihuong08@gmail.com

**Tóm tắt:** Tài liệu trình bày nghiên cứu và đề xuất các biện pháp nhằm phát triển đội ngũ giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở tại quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh theo hướng giảng dạy tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai (ESL). Trên cơ sở phân tích lý luận, thực trạng và yêu cầu đổi mới giáo dục, tác giả đưa ra 5 biện pháp cụ thể: rà soát chất lượng giáo viên, xây dựng bộ tiêu chuẩn nghề nghiệp ESL, lập kế hoạch phát triển đội ngũ, tổ chức bồi dưỡng và tạo dựng môi trường văn hóa học tập tích cực. Các biện pháp được xây dựng có tính hệ thống, tương tác và hỗ trợ lẫn nhau nhằm nâng cao năng lực giảng dạy thực chất và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

**Từ khóa:** giáo viên tiếng Anh, tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai, ESL, phát triển đội ngũ, tiêu chuẩn nghề nghiệp.

## DEVELOPING THE LOWER SECONDARY SCHOOL ENGLISH TEACHING WORKFORCE TOWARDS ESL INSTRUCTION IN SCHOOLS IN GO VAP DISTRICT, HO CHI MINH CITY

Vu Mai Huong  
Ly Tu Trong Lower Secondary School – Go Vap District – Ho Chi Minh City  
Email: vumaihuong08@gmail.com

**Abstract:** This document presents a study and proposes measures to develop the English teaching workforce at the lower secondary school level in Go Vap District, Ho Chi Minh City, in alignment with English as a Second Language (ESL) teaching approaches. Based on theoretical analysis, practical context, and educational reform requirements, the author suggests five specific strategies: reviewing teacher quality, establishing ESL teaching standards, planning for teacher development, organizing professional training, and fostering a positive learning culture. These interrelated and systematic measures aim to enhance teaching competence and meet international integration demands.

**Keywords:** English teachers, English as a Second Language, ESL, teacher development, professional standards.

Nhận bài: 15/02/2025

Phản biện: 21/03/2025

Duyệt đăng: 25/03/2025

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 đã đánh dấu một bước chuyển mình quan trọng trong phương pháp giảng dạy tiếng Anh. Thay vì tập trung vào việc dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ (EFL) với mục tiêu chủ yếu là nắm vững kiến thức ngữ pháp và từ vựng, chương trình mới hướng tới việc dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ 2 (ESL), tức là sử dụng tiếng Anh như một công cụ giao tiếp và học tập trong môi trường học đường. Sự thay đổi này đòi hỏi đội ngũ giáo viên tiếng Anh phải có năng lực chuyên môn vững vàng, kỹ năng sư phạm linh hoạt và khả năng thích ứng cao với các phương pháp giảng dạy tiên tiến.

Tuy nhiên, thực trạng đội ngũ giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở (THCS) hiện nay vẫn còn nhiều thách thức. Xuất phát từ những lý do trên, việc nghiên cứu và đề xuất các biện pháp phát triển đội ngũ giáo viên tiếng Anh THCS hướng tới giảng dạy ESL là vô cùng cần thiết. Nghiên cứu này nhằm mục đích đánh giá thực trạng năng lực của giáo viên, xác định các yếu tố ảnh hưởng

và đề xuất các biện pháp khả thi để nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập tiếng Anh trong các trường THCS.

### II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Khái niệm tiếng Anh như ngôn ngữ thứ 2 ESL và sự khác biệt giữa ESL và EFL

- ESL (English as a Second Language) là việc dạy và học tiếng Anh trong môi trường mà tiếng Anh được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp hàng ngày.

- EFL (English as a Foreign Language) là việc dạy và học tiếng Anh trong môi trường mà tiếng Anh không phải là ngôn ngữ chính thức hoặc được sử dụng rộng rãi.

- Sự khác biệt chính giữa ESL và EFL nằm ở bối cảnh học tập và mục tiêu sử dụng ngôn ngữ. ESL nhấn mạnh vào việc sử dụng tiếng Anh như một công cụ giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày, trong khi EFL thường tập trung vào việc nắm vững kiến thức ngôn ngữ.

#### 2.2. Thực trạng đội ngũ giáo viên tiếng Anh THCS

- Trình độ chuyên môn: Một bộ phận giáo viên chưa được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng giảng dạy theo hướng ESL. Nhiều giáo viên còn gặp khó khăn trong việc áp dụng các phương pháp giảng dạy giao tiếp, tạo môi trường học tập tích cực và đánh giá năng lực ngôn ngữ của học sinh, vẫn còn nhiều giáo viên tiếng Anh gặp khó khăn trong việc giao tiếp với người bản ngữ. Khả năng phát âm, ngữ điệu và phản xạ ngôn ngữ của một số giáo viên chưa đáp ứng được yêu cầu của việc giảng dạy ESL.

- Phương pháp giảng dạy: Phương pháp giảng dạy truyền thống vẫn còn phổ biến, tập trung vào ngữ pháp và từ vựng, ít chú trọng đến giao tiếp và ứng dụng thực tế. Giáo viên thiếu kinh nghiệm trong việc sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại như dạy học theo dự án, dạy học hợp tác và sử dụng công nghệ thông tin. Khả năng thiết kế bài giảng, tổ chức hoạt động và đánh giá năng lực ngôn ngữ của học sinh theo hướng ESL còn hạn chế. Việc áp dụng các phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm còn gặp nhiều khó khăn.

- Điều kiện làm việc: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học như phòng lab, máy chiếu, bảng tương tác ... còn thiếu thốn ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy. Việc tiếp cận và sử dụng các nguồn tài liệu và học liệu tiếng Anh chất lượng còn hạn chế. Giáo viên tiếng Anh phải đối mặt với áp lực công việc lớn, bao gồm cả việc giảng dạy, chấm bài, tham gia các hoạt động ngoại khóa và bồi dưỡng chuyên môn. Thời gian dành cho việc tự học, nghiên cứu và phát triển chuyên môn còn hạn chế.

### **2.3. Các biện pháp nhằm phát triển đội ngũ giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở hướng tới giảng dạy tiếng Anh như ngôn ngữ thứ 2 (ESL) trong trường học tại quận Gò Vấp – thành phố Hồ Chí Minh**

Thực trạng đội ngũ giáo viên tiếng Anh THCS hiện nay còn nhiều thách thức, đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ và hiệu quả để nâng cao chất lượng đội ngũ, đáp ứng yêu cầu của việc giảng dạy ESL.

#### **2.3.1 Biện pháp 1: Rà soát đánh giá tổng thể chất lượng đội ngũ giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở**

Nội dung của biện pháp này có thể được diễn đạt như sau:

Dựa trên một số tiêu chuẩn nhất định (tiêu chuẩn này có thể được tạo ra dựa trên những căn cứ pháp lý) để thực hiện việc rà soát tổng thể ĐNGV tiếng Anh THCS trong quận Gò Vấp, từ

đó đánh giá đúng thực chất về số lượng, cơ cấu và trình độ của đội ngũ này.

#### **2.3.2. Biện pháp 2: Xây dựng bộ tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở đủ năng lực giảng dạy ESL**

##### **Bộ tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá giáo viên tiếng Anh THCS dạy ESL**

##### **Tiêu chuẩn 1: Năng lực tiếng Anh**

*Tiêu chí 1, Kỹ năng nghe.* GV có thể nghe hiểu các bài nói trực tiếp hoặc ghi lại về các chủ đề quen thuộc và không quen thuộc trong cuộc sống cá nhân, xã hội, học tập hay nghề nghiệp khi được diễn đạt rõ ràng và bằng giọng chuẩn; có thể hiểu ý chính của các bài nói phức tạp cả về nội dung và ngôn ngữ, được truyền đạt bằng ngôn ngữ chuẩn mực về các vấn đề cụ thể hay trừu tượng (bao gồm cả những cuộc thảo luận mang tính kỹ thuật) trong lĩnh vực chuyên môn của mình; có thể theo dõi được bài nói dài cũng như các lập luận phức tạp về các chủ đề quen thuộc khi bài nói có cấu trúc rõ ràng.

*Tiêu chí 2, Kỹ năng nói.* GV có thể giao tiếp độc lập về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác; có thể trình bày về ý nghĩa của một sự kiện hay trải nghiệm của cá nhân, giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách rõ ràng bằng lập luận chặt chẽ và phù hợp.

*Tiêu chí 3, Kỹ năng đọc.* Có thể đọc một cách tương đối độc lập, có khả năng điều chỉnh cách đọc và tốc độ đọc theo từng dạng văn bản và mục đích đọc cũng như sử dụng các nguồn tham khảo phù hợp một cách có chọn lọc. Có một lượng lớn từ vựng chủ động phục vụ quá trình đọc nhưng có thể vẫn còn gặp khó khăn với các thành ngữ ít xuất hiện.

*Tiêu chí 4, Kỹ năng viết.* GV có thể viết bài chi tiết, rõ ràng về nhiều chủ đề quan tâm khác nhau, đưa ra những thông tin và lập luận từ một số nguồn khác nhau, thể hiện sự hiểu biết vấn đề và trình bày với vốn từ vựng phong phú, phù hợp phong cách văn bản.

*Tiêu chí 5, Kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong dạy học.* GV giao tiếp với HS như giao tiếp với người bản ngữ mà không làm khó cho cả hai bên, sử dụng tốt cấu trúc ngữ pháp và không gặp khó khăn khi diễn đạt phù hợp với hoàn cảnh; trình bày một cách rõ ràng về một vấn đề trước HS bằng tiếng Anh, trong đó nhấn mạnh được những điểm chính và có chi tiết minh họa rõ ràng; đặt và trả lời các câu hỏi về một vấn đề nào đó đối với

HS một cách lưu loát, tự nhiên, không gây căng thẳng cho bản thân hay cho người nghe; trong quá trình giao tiếp bằng tiếng Anh, GV có khả năng truyền đạt các mức độ cảm xúc và làm nổi bật tầm quan trọng của kinh nghiệm cá nhân.

### **Tiêu chuẩn 2: Năng lực liên văn hóa**

*Tiêu chí 6, nhận thức văn hóa.* Hiểu biết cơ bản về văn hóa ngôn ngữ của các quốc gia nói tiếng Anh và nhận ra nó trong chương trình tiếng Anh THCS; việc vận dụng năng lực liên văn hóa trong chương trình giảng dạy môn tiếng Anh làm chủ đề nhằm phát triển bản sắc, sự hiểu biết văn hóa và toàn diện của HS là hết sức cần thiết.

*Tiêu chí 7, vận dụng năng lực liên văn hóa trong giao tiếp.* Hiểu biết và vận dụng các đặc trưng văn hóa của tiếng Anh vào trong các hoạt động giao tiếp với HS, hướng dẫn HS thực hành văn hóa ngôn ngữ trong chương trình tiếng Anh THCS.

*Tiêu chí 8, vận dụng năng lực liên văn hóa trong giảng dạy.* Kết hợp giữa phát triển năng lực ngôn ngữ (tiếng Anh) với kiến thức ngôn ngữ và văn hóa xã hội của các cộng đồng nói tiếng Anh thông qua: tạo tình huống và bối cảnh để sản sinh văn bản, khuyến khích và hướng dẫn HS đọc sách báo nước ngoài bằng tiếng Anh, giúp HS suy ngẫm về cách các em tương tác với người nước ngoài, học tập kinh nghiệm và trải nghiệm của những người từng sống, làm việc, học tập ở các quốc gia nói tiếng Anh.

*Tiêu chí 9, điều chỉnh nhận thức văn hóa cho HS.* Nhận biết và điều chỉnh những sai lầm văn hóa trong sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh trong chương trình tiếng Anh THCS.

### **Tiêu chuẩn 3: Năng lực sư phạm**

*Tiêu chí 10, kiến thức về tâm lý học, GD học.* GV nắm vững các nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của về về tâm lý học, GD học và khả năng vận dụng vào các tình huống giảng dạy và GD: hiểu được sự phát triển về nhận thức, tình cảm và cảm xúc, thái độ học tập của HS để điều chỉnh các hoạt động dạy học cho phù hợp.

*Tiêu chí 11, kỹ năng dạy học.* GV xác định tính phù hợp với đối tượng HS về mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và thực hiện dạy học hiệu quả, phát huy được tính tích cực, tự chủ, tự học của HS.

*Tiêu chí 12, kỹ năng GD.* GV phát huy quyền dân chủ của HS, tạo dựng được môi trường học tập dân chủ, thân thiện, bình đẳng, hợp tác, khuyến khích sự sáng tạo

*Tiêu chí 13, kỹ năng lập kế hoạch dạy học và*

*GD.* GV phân tích được chương trình, lập kế hoạch GD, vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật trong việc lập kế hoạch, tổ chức dạy học và hoạt động GD.

*Tiêu chí 14, kỹ năng đánh giá HS theo hướng tiếp cận năng lực.* GV thiết kế, sử dụng được các công cụ, phương pháp đánh giá HS đúng quy định, hỗ trợ HS tiến bộ trong quá trình học tập và rèn luyện.

### **Tiêu chuẩn 4: Năng lực cảm xúc xã hội**

*Tiêu chí 15, kỹ năng quản lý các mối quan hệ.* Kỹ năng quản lý mối quan hệ bao gồm các kỹ năng liên quan đến giao tiếp, khả năng nhận biết khi người khác cần giúp đỡ và đưa ra sự hỗ trợ thích hợp. Do đó, việc quản lý các mối quan hệ giúp GV có khả năng đáp ứng nhu cầu của người khác trong khi khẳng định mục tiêu của chính mình được xem xét.

*Tiêu chí 16, kỹ năng quản lý hành vi của HS hiệu quả.* Kỹ năng này đòi hỏi khả năng của GV để tối đa hóa thời gian thực hiện nhiệm vụ và tạo ra một môi trường học tập yên tĩnh bằng cách nêu rõ các kỳ vọng và quy tắc hành vi rõ ràng, giám sát hành vi của HS và sử dụng các tín hiệu tinh tế để chuyển hướng hành vi sai trái.

*Tiêu chí 17, kỹ năng kiểm soát cảm xúc của chính mình.* Kỹ năng này để tránh làm ảnh hưởng đến cảm xúc của người khác, khẳng định bản thân và xây dựng các mối quan hệ tích cực. Kỹ năng này giúp GV lắng nghe tâm tư, suy nghĩ của HS, kìm nén cảm xúc trước các hành vi bất thường của HS.

*Tiêu chí 18, kỹ năng quản lý xung đột, đàm phán và đặt ra giới hạn cho chính mình.* Những va chạm, xung đột về quyền lợi và xích mích tình cảm có thể xảy ra như là một hiện tượng xã hội thường ngày. GV có kỹ năng này sẽ tìm ra phương pháp giải quyết vấn đề một cách hiệu quả trước các tình huống xung đột đó, đồng thời gia tăng khả năng kìm nén bản thân.

*Tiêu chuẩn 19, kỹ năng hợp tác.* Khả năng hợp tác, làm việc theo nhóm để thực hiện tốt hơn công việc của mình và nâng cao hiệu quả giảng dạy; hướng dẫn HS thực hành các kỹ năng này trong các giờ học tiếng Anh.

### **Tiêu chuẩn 5: Năng lực phát triển nghề nghiệp của bản thân**

*Tiêu chí 20, kỹ năng tự học, nghiên cứu.* Biểu thị của kỹ năng này là GV xác định được nhu cầu và động cơ học tập để luôn hoàn thiện bản thân, luôn tìm tòi, khám phá, sáng tạo trong quá trình hoạt động GD, đề xuất sáng kiến bằng nhiều hình

thức khác nhau.

*Tiêu chí 21, kỹ năng CNTT.* Trình độ và kỹ năng tin học đảm bảo đủ khả năng khai thác các nguồn tư liệu và thiết kế bài giảng, các trò chơi học tập trong quá trình dạy học.

*Tiêu chí 22, kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển bản thân.* Xây dựng và thực hiện kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng; biết khai thác các nguồn thông tin, tài liệu, học liệu để nâng cao kiến thức và phát triển kỹ năng.

**2.3.3. Biện pháp 3: Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ giáo viên tiếng Anh đủ tiêu chuẩn giảng dạy ESL**

Nội dung của biện pháp bao gồm hai hoạt động: xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch. Xây dựng kế hoạch phát triển ĐNGV tiếng Anh THCS được thực hiện theo một quy trình: dựa trên chủ trương phát triển ĐNGV tiếng Anh và những thông tin về thực trạng ĐNGV tiếng Anh qua rà soát để xác định mục tiêu, xây dựng bản kế hoạch và triển khai kế hoạch phát triển ĐNGV tiếng Anh THCS.

**2.3.4. Biện pháp 4: Bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ giáo viên tiếng Anh theo chuẩn nghề nghiệp, chuẩn trình độ và đáp ứng nhu cầu giảng dạy ESL**

Bồi dưỡng và đào tạo để nâng cao chất lượng ĐNGV tiếng Anh THCS bao gồm 02 nội dung:

- Bồi dưỡng GV theo chuẩn nghề nghiệp và đáp ứng yêu cầu đổi mới GD phổ thông.
- Đào tạo nâng cao trình độ đối với những GV chưa đạt chuẩn trình độ theo qui định của pháp luật và đào tạo phát triển trình độ, năng lực theo nhu cầu của GV và theo xu hướng dạy ESL của thành phố Hồ Chí Minh.

**2.3.5. Biện pháp 5: Tạo dựng môi trường văn hóa học tập và chất lượng để thúc đẩy quá trình**

*tự phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên, từng bước xây dựng nhà trường giảng dạy ESL*

Văn hóa học đường tích cực có những biểu hiện sau:

- Trường học dân chủ, văn minh và lịch sự.
- Vị thế GV được cải thiện qua lương, thu nhập, đãi ngộ.
- Giá trị học thuật được thừa nhận, đề cao.
- Phong trào tự học và sáng tạo huy động tất cả

GV và HS tham gia.

### III. KẾT LUẬN

Việc phát triển đội ngũ giáo viên tiếng Anh THCS hướng tới giảng dạy ESL là yêu cầu tất yếu để nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh, đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Các biện pháp phát triển ĐNGV tiếng Anh THCS để có thể giảng dạy được ESL được xây dựng dựa trên những nghiên cứu lý luận và thực trạng của phát triển ĐNGV và quan hệ với nhau như một hệ thống và mang tính chỉnh thể. Các biện pháp tương tác và thúc đẩy lẫn nhau như hiệu ứng domino. Biện pháp 1, rà soát tổng thể ĐNGV tiếng Anh, tạo cơ sở cho kế hoạch phát triển ĐNGV tiếng Anh đủ tiêu chuẩn giảng dạy ESL ở Biện pháp 3. Biện pháp 2 hỗ trợ phát triển ĐNGV và là mục tiêu của Biện pháp 3. Kế hoạch phát triển từ Biện pháp 3 dẫn đến hoạt động bồi dưỡng và đào tạo GV tiếng Anh ở Biện pháp 4. Hoạt động BD, ĐT GV nảy sinh nhu cầu về môi trường học tập tích cực ESL, là nội dung của Biện pháp 5. Mặc dù mỗi biện pháp phát triển ĐNGV tiếng Anh THCS có một chức năng khác nhau, nhưng khi thực hiện bên cạnh mối quan hệ về nội dung giữa các biện pháp, thì hiệu quả của các biện pháp chính là minh chứng cho việc xác định rõ chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn của các cấp quản lý thực hiện nó.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Badaci, G., & Ünal, U. (2021). *EFL teacher competencies in online teaching: A literature review*. International Journal of Technology in Education and Science (IJTES), 5(4), 589-603.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). *Công văn 792/BGDĐT-NGCBQLGD về việc Hướng dẫn thực hiện Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT*. Hà Nội.
- Brown, H. D. (2007). *Teaching by principles: An interactive approach to language pedagogy*. Pearson Education ESL.
- Burns, A. (2015). *Doing action research in English language teaching: A guide for practitioners*. Routledge.
- Deal, T. E., & Peterson, K. D. (2016). *Shaping school culture: The heart of leadership*. Jossey-Bass.
- Larsen-Freeman, D., & Anderson, M. (2016). *Techniques & principles in language teaching*. Oxford University Press.
- Oranje, A., & Smith, R. (2018). *Professional development for language teachers: Strategies for teacher learning*. British Council.
- Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14*. Hà Nội.
- Richards, J. C. (2010). *Competence and performance in language teaching*. RELC journal, 41(2), 101-122.
- Richards, J. C., & Farrell, T. S. C. (2011). *Practice teaching: A reflective approach*. Cambridge University Press.